

# Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



single function relay, Harmony  
Timer Relays, 0.7A, 1CO, 0,1s..  
100h, on delay, solid state output,  
24..240V AC DC

RE17LAMW

## Main

|                           |   |
|---------------------------|---|
| Range of product          | Harmony Timer Relays  |
| product or component type | Single function relay   |
| Discrete output type      | Solid state   |
| Width                     | 17.5 mm   |
| Component name            | RE17L   |
| time delay type           | Power on-delay  |
| time delay range          | 1...10 s<br>10...100 h<br>6...60 s<br>0.1...1 s<br>1...10 min<br>6...60 min<br>1...10 h |
| Nominal output current    | 0.7 A   |

## Complementary

|  |  |
|--|--|
| Control type                           | Selector switch front panel  |
| [Us] rated supply voltage              | 24...240 V AC/DC 50/60 Hz  |
| Voltage range                          | 0.85...1.1 Us  |
| Supply frequency                       | 50...60 Hz +/- 5 %   |
| control signal pulse width             | 0.05 s typical   |
| Insulation resistance                  | 100 MOhm at 500 V DC conforming to IEC 60664-1   |
| [Uimp] rated impulse withstand voltage | 5 kV during 1.2/50 $\mu$ s   |
| power on delay                         | 100 ms   |
| Connections - terminals                | Screw terminals, 1 x 0.5...1 x 3.3 mm <sup>2</sup> (AWG 20...AWG 12) solid without cable end<br>Screw terminals, 2 x 0.5...2 x 2.5 mm <sup>2</sup> (AWG 20...AWG 14) solid without cable end<br>Screw terminals, 1 x 0.2...1 x 2.5 mm <sup>2</sup> (AWG 24...AWG 14) flexible with cable end<br>Screw terminals, 2 x 0.2...2 x 1.5 mm <sup>2</sup> (AWG 24...AWG 16) flexible with cable end |
| Tightening torque                      | 0.6...1 N.m conforming to IEC 60947-1  |
| Dielectric strength                    | 2.5 kV 1 mA/1 minute 50 Hz conforming to IEC 61812-1   |
| Housing material                       | Self-extinguishing   |
| Repeat accuracy                        | +/- 0.5 % conforming to IEC 61812-1  |
| Temperature drift                      | +/- 0.05 %/°C  |
| Voltage drift                          | +/- 0.2 %/V  |
| Setting accuracy of time delay         | +/- 10 % of full scale at 25 °C conforming to IEC 61812-1  |

|                                       |  |
|---------------------------------------|--|
| <b>Reset time</b>                     | 350 ms on de-energisation typical                          |
| <b>On-load factor</b>                 | 100 %  |
| <b>Power consumption in VA</b>        | 0...3 VA at 240 V AC                                       |
| <b>Maximum power consumption in W</b> | 1.5 W at 240 V DC  |
| <b>Breaking capacity</b>              | 0.5 A AC/DC conforming to UL<br>0.7 A AC/DC at 20 °C       |
| <b>operating frequency</b>            | 10 Hz  |
| <b>Maximum output current</b>         | 20 A   |
| <b>Minimum switching current</b>      | 10 mA  |
| <b>Maximum leakage current</b>        | 5 mA   |
| <b>Maximum switching voltage</b>      | 250 V AC/DC  |
| <b>Maximum voltage drop</b>           | <4 V 3-wire<br><8 V 2-wire                                 |
| <b>Electrical durability</b>          | 100000000 cycles   |
| <b>marking</b>                        | CE   |
| <b>Creepage distance</b>              | 4 kV/3 conforming to IEC 60664-1                           |
| <b>Safety reliability data</b>        | MTTFd = 353.8 years<br>B10d = 320000                       |
| <b>Mounting position</b>              | Any position in relation to normal vertical mounting plane |
| <b>Mounting support</b>               | 35 mm DIN rail conforming to IEC 60715                     |
| <b>Function available</b>             | A- Power on-delay relay-1 solid state output               |
| <b>Control type</b>                   | Without test button  |
| <b>net weight</b>                     | 0.068 kg   |
| <b>Time delay type</b>                | A  |
| <b>Functionality</b>                  | On-delay timing  |
| <b>Number of functions</b>            | 1  |
| <b>Compatibility code</b>             | RE17   |

## Environment

|  |   |
|--|---|
| <b>Immunity to microbreaks</b>               | 20 ms   |
| <b>Derating factor</b>                       | 5 mA/°C   |
| <b>Standards</b>                             | 2004/108/EC<br>IEC 61000-6-1<br>2006/95/EC<br>IEC 61000-6-3<br>IEC 61000-6-2<br>IEC 61812-1<br>IEC 61000-6-4                          |
| <b>Product certifications</b>                | GL<br>CSA<br>cULus  |
| <b>Ambient air temperature for storage</b>   | -30...60 °C   |
| <b>Ambient air temperature for operation</b> | -20...60 °C   |
| <b>IP degree of protection</b>               | IP20 (terminal block) conforming to IEC 60529<br>IP40 (housing) conforming to IEC 60529<br>IP50 (front panel) conforming to IEC 60529 |
| <b>Vibration resistance</b>                  | 20 m/s <sup>2</sup> (f= 10...150 Hz) conforming to IEC 60068-2-6  |

|                                      |  |
|--------------------------------------|--|
| <b>Shock resistance</b>              | 15 gn for 11 ms conforming to IEC 60068-2-27   |
| <b>Relative humidity</b>             | 93 % without condensation conforming to IEC 60068-2-30   |
| <b>Electromagnetic compatibility</b> | <p>Electrostatic discharge immunity test: (in contact), level 3, 6 kV, conforming to IEC 61000-4-2</p> <p>Electrostatic discharge immunity test: (in air), level 3, 8 kV, conforming to IEC 61000-4-2</p> <p>Susceptibility to electromagnetic fields: (80 MHz to 1 GHz), level 3, 10 V/m, conforming to IEC 61000-4-3</p> <p>Electrical fast transient/burst immunity test: (capacitive connecting clip), level 3, 1 kV, conforming to IEC 61000-4-4</p> <p>Electrical fast transient/burst immunity test: (direct), level 3, 2 kV, conforming to IEC 61000-4-4</p> <p>1.2/50 <math>\mu</math>s shock waves immunity test: (differential mode), level 3, 1 kV, conforming to IEC 61000-4-5</p> <p>1.2/50 <math>\mu</math>s shock waves immunity test: (common mode), level 3, 2 kV, conforming to IEC 61000-4-5</p> <p>Conducted RF disturbances: (0.15..80 MHz), level 3, 10 V, conforming to IEC 61000-4-6</p> <p>Voltage dips and interruptions immunity test: (1 cycle), 0 %, conforming to IEC 61000-4-11</p> <p>Voltage dips and interruptions immunity test: (25/30 cycles), 70 %, conforming to IEC 61000-4-11</p> <p>Conducted and radiated emissions: , class B, conforming to EN 55022</p> |

## Packing Units

|                                     |           |
|-------------------------------------|-----------|
| <b>Unit Type of Package 1</b>       | PCE       |
| <b>Number of Units in Package 1</b> | 1         |
| <b>Package 1 Height</b>             | 2.600 cm  |
| <b>Package 1 Width</b>              | 7.800 cm  |
| <b>Package 1 Length</b>             | 9.500 cm  |
| <b>Package 1 Weight</b>             | 70.000 g  |
| <b>Unit Type of Package 2</b>       | S02       |
| <b>Number of Units in Package 2</b> | 40        |
| <b>Package 2 Height</b>             | 15.000 cm |
| <b>Package 2 Width</b>              | 30.000 cm |
| <b>Package 2 Length</b>             | 40.000 cm |
| <b>Package 2 Weight</b>             | 3.270 kg  |

## Bền vững

Nhãn **Green Premium™** là cam kết của Schneider Electric trong việc cung cấp sản phẩm với hiệu suất môi trường tốt nhất. Green Premium cam kết tuân thủ các quy định mới nhất, minh bạch về tác động môi trường, cũng như các sản phẩm tuần hoàn và CO<sub>2</sub> thấp.

**Hướng dẫn đánh giá tính bền vững của sản phẩm** là tài liệu kỹ thuật phổ thông giúp làm rõ các tiêu chuẩn nhãn sinh thái toàn cầu và cách diễn giải việc khai báo môi trường.

[Tìm hiểu thêm về Green Premium >](#)

[Hướng dẫn đánh giá về sự bền vững của sản phẩm >](#)



Minh bạch [RoHS/REACH](#)

## Hiệu suất sức khỏe

Mercury Free

RoHS Exemption Information [Yes](#)

## Chứng nhận & Tiêu chuẩn

**Reach Regulation** [REACH Declaration](#)

**Eu RoHS Directive** Pro-active compliance (Product out of EU RoHS legal scope)

**China RoHS Regulation** [China RoHS declaration](#)

**Environmental Disclosure** [Product Environmental Profile](#)

**Circularity Profile** [End of Life Information](#)

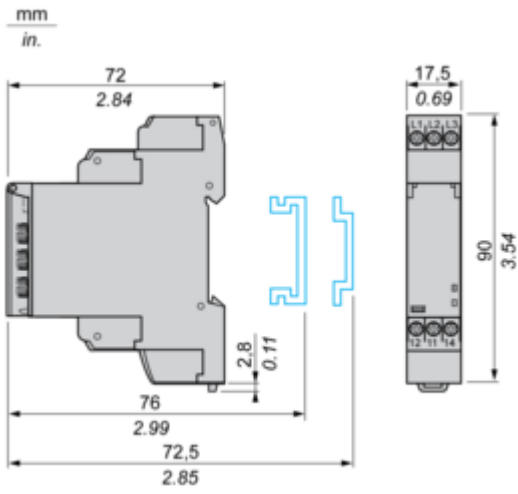
# Bảng thông số sản phẩm

# RE17LAMW

Dimensions Drawings

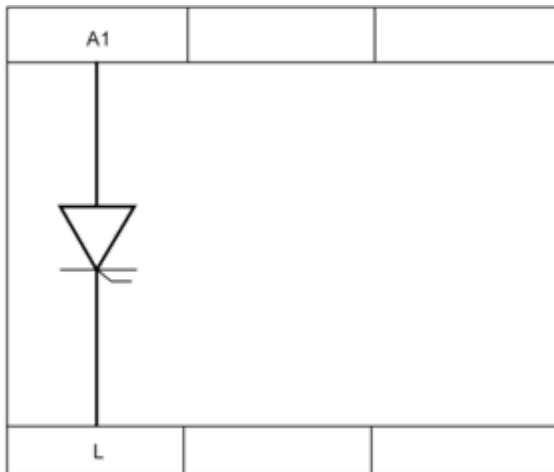
Width 17.5 mm

---



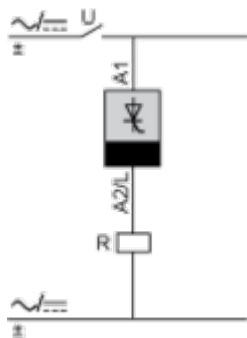
**Internal Wiring Diagram**

---



Wiring Diagram

---



## Technical Description

### Function A : Power on Delay Relay

---

#### Description

The timing period T begins on energisation. After timing, the output(s) R close(s). The second output can be either timed or instantaneous.

#### Function: 1 Output



#### Function: 2 Outputs







2 timed outputs (R1/R2) or 1 timed output (R1) and 1 instantaneous output (R2 inst.)



## Legend

---

|   |                    |
|---|--------------------|
|  | Relay de-energised |
|  | Relay energised    |
|  | Output open        |
|  | Output closed      |

|          |  |
|----------|--|
| C        | Control contact  |
| G        | Gate   |
| R        | Relay or solid state output  |
| R1/R2    | 2 timed outputs  |
| R2 inst. | The second output is instantaneous if the right position is selected |
| T        | Timing period  |
| Ta -     | Adjustable On-delay  |
| Tr -     | Adjustable Off-delay   |
| U        | Supply   |